

Số: 1073 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và
nông nghiệp thành phố Cần Thơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ (sau đây viết tắt là Ban Quản lý dự án) là đơn vị sự nghiệp công lập, tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, thực hiện chức năng được giao làm chủ đầu tư dự án công trình giao thông và nông nghiệp, quản lý dự án và tham gia tư vấn quản lý dự án khi cần thiết theo quy định

của pháp luật.

2. Ban Quản lý dự án có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư trong việc lập và quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng, gồm:

a) Lập, quản lý dự án khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về lập, quản lý dự án;

c) Lựa chọn, ký kết hợp đồng với nhà thầu tư vấn đề lập, quản lý dự án;

d) Tổ chức lập, quản lý dự án;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật;

e) Xác định yêu cầu, nội dung nhiệm vụ lập dự án; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết trong trường hợp thuê tư vấn lập dự án; tổ chức nghiệm thu kết quả lập dự án và lưu trữ hồ sơ dự án đầu tư xây dựng;

g) Lựa chọn tổ chức tư vấn lập dự án có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014;

h) Chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính chính xác của các thông tin, tài liệu được cung cấp cho tư vấn khi lập dự án; trình dự án với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

i) Lựa chọn tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra dự án theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức thẩm định dự án và của người quyết định đầu tư;

k) Tổ chức quản lý thực hiện dự án theo quy định tại Điều 66 Luật Xây dựng năm 2014;

l) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

m) Thu hồi vốn, trả nợ vốn vay đối với dự án có yêu cầu về thu hồi vốn, trả nợ vốn vay;

n) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

o) Trực tiếp quản lý đối với những dự án do người quyết định đầu tư giao.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án, như sau:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ về quản lý dự án của chủ đầu tư theo ủy quyền của chủ đầu tư;

b) Đề xuất phương án, giải pháp tổ chức quản lý dự án, kiến nghị với chủ đầu tư giải quyết vấn đề vượt quá thẩm quyền;

c) Thuê tổ chức tư vấn tham gia quản lý dự án trong trường hợp cần thiết sau khi được người quyết định đầu tư, chủ đầu tư chấp thuận;

d) Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng;

đ) Báo cáo công việc với chủ đầu tư trong quá trình quản lý dự án;

e) Chịu trách nhiệm về vi phạm pháp luật trong quản lý thực hiện dự án;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

h) Bàn giao công trình cho cơ quan, đơn vị quản lý vận hành, khai thác sử dụng; trường hợp cần thiết được người quyết định đầu tư giao thì trực tiếp quản lý vận hành, khai thác sử dụng công trình.

3. Được thực hiện tư vấn quản lý dự án đối với dự án khác khi có yêu cầu và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Luật Xây dựng năm 2014, trên cơ sở bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ quản lý dự án được giao và đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

4. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về hoạt động của Ban Quản lý dự án với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức, hợp đồng lao động, tài chính, tài sản; thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức, hợp đồng lao động thuộc Ban Quản lý dự án theo đúng quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do cấp có thẩm quyền giao và theo quy định pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Giám đốc

a) Ban Quản lý dự án có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

b) Giám đốc là người đứng đầu Ban Quản lý dự án, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo quy định pháp luật;

c) Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án là cấp Phó của người đứng đầu Ban, giúp Giám đốc Ban thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Ban phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Ban vắng mặt, một Phó Giám đốc Ban được Giám đốc Ban ủy quyền thay Giám đốc Ban điều hành các hoạt động của Ban.

2. Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án, gồm:

a) Văn phòng;

b) Phòng Tài chính - Kế toán;

- c) Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
- d) Phòng Kỹ thuật - Thẩm định;
- đ) Phòng Quản lý theo dõi giải phóng mặt bằng;
- e) Phòng Quản lý dự án 1;
- g) Phòng Quản lý dự án 2;
- h) Phòng Quản lý dự án 3;
- i) Phòng Quản lý dự án 4;
- k) Phòng Quản lý dự án 5;
- l) Phòng Quản lý dự án 6;
- m) Phòng Quản lý dự án 7.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ, Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng, Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Hậu Giang hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Ban Quản lý dự án tổ chức triển khai thi hành Quyết định này.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Ban Quản lý dự án; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *7/6*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- BTV Đảng ủy UBND TP;
- CT, PCT. UBND TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND xã, phường;
- VP UBND TP (2,3E);
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, P. *m*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lâu